

Số: 03/21.2/DCVFM-2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM

V/v: Ban hành Quy trình Công Bố Thông Tin áp dụng đối với Công ty DCVFM, Quỹ mở, Quỹ ETF do Công ty DCVFM quản lý

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công Bố Thông Tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “**Quy trình Công Bố Thông Tin áp dụng cho Công ty DCVFM, Quỹ mở, Quỹ ETF do Công ty DCVFM quản lý**”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các phòng, ban và toàn bộ nhân viên của Công ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ

DRAGON CAPITAL VIỆT NAM



Beat Schurch

Tổng Giám đốc

QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY DCVFM, QUỸ MỞ, QUỸ ETF DO CÔNG TY DCVFM QUẢN LÝ

(Ban hành kèm theo Quyết định Số: 03/2021/DCVFM-2021, ngày 03 tháng 01 năm 2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam)

CHƯƠNG 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- 1.1. Văn bản này quy định về Quy trình Công Bố Thông Tin áp dụng đối với Công ty, các quỹ mở, quỹ ETF do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“DCVFM”) thành lập, quản lý và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.2. Các phòng, ban và toàn thể nhân viên của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam liên quan đến hoạt động Công Bố Thông Tin đối với Công ty, các quỹ mở, quỹ ETF thuộc đối tượng áp dụng của văn bản này.

Điều 2. Định nghĩa và giải thích

- Công Ty** : Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam có giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 30/12/2020 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Quỹ Mở/ Quỹ** : là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng phải được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.
- Quỹ hoán đổi danh mục/ Quỹ ETF** : là quỹ mở hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục được niêm yết và giao dịch trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán niêm yết.
- Chứng Chỉ Quỹ** : Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng Việt Nam.
- Chứng Khoán Cơ Cấu** : Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu, không bao gồm chứng khoán phái sinh.



Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu	: Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty Quản lý quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF.
Tracking Error - TE	: Là mức sai lệch giữa giá trị tài sản ròng của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu.
Báo Cáo Tài Chính	: Là các báo cáo tài chính hằng tháng, hằng năm, bán niên đã được soát xét hoặc kiểm toán theo đúng quy định pháp luật.
HOSE	: Là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại Hội Nhà Đầu Tư/ĐHNĐT	: Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường niên hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ .
Đại Hội Đồng Cổ đông/ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
UBCKNN	: Là Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
Người Nội Bộ	: Bao gồm người nội bộ của Công ty và người nội bộ của quỹ theo đúng quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện Công Bố Thông Tin

- 3.1. Công bố thông tin phải được thực hiện đầy đủ, chính xác và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- 3.2. Công bố thông tin phải được thực hiện bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin được người đó hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền công bố (sau đây gọi là “Người Được Ủy Quyền”).
- 3.3. Trường hợp có bất kỳ người nào công bố thông tin gây ảnh hưởng đến giá chứng chỉ quỹ thì người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người Được Ủy Quyền phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm thông tin đó được công bố.
- 3.4. Công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo cho UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) về các nội dung được công bố và đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của Công ty (sau đây gọi là “Website”) và/hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.

- 3.5. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam phải là tiếng Việt, nội dung được công bố bằng tiếng Anh chỉ mang giá trị tham khảo.

Điều 4. Người thực hiện Công Bố Thông Tin

- 4.1. Người thực hiện công bố thông tin có thể là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc Người Được Ủy Quyền. Người Được Ủy Quyền là (i) nhân viên của công ty; hoặc (ii) nhân viên của tổ chức được công ty ký hợp đồng thực hiện dịch vụ quan hệ nhà đầu tư. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà người đại diện theo pháp luật và Người Được Ủy Quyền đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trong trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.
- 4.2. Việc đăng ký ủy quyền thực hiện công bố thông tin được thực hiện trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát sinh việc chỉ định, ủy quyền hoặc quyết định thay đổi người công bố thông tin có hiệu lực bằng cách gửi đến UBCKNN và HOSE (đối với Quỹ ETF) các tài liệu theo mẫu Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC/2020/TT-BCT và nộp cùng bản cung cấp thông tin của Người Được Ủy Quyền theo phụ lục III của thông tư này.
- 4.3. Người thực hiện công bố thông tin có nghĩa vụ:
- Chịu trách nhiệm phê duyệt các thông tin cần công bố của công ty, quỹ mở, quỹ ETF niêm yết ra công chúng theo Quy trình này và theo đúng quy định của pháp luật;
 - Cập nhật, tiếp nhận và công bố chính xác thông tin của công ty, quỹ và giải đáp những thắc mắc, phản hồi của các nhà đầu tư về những thông tin liên quan đến hoạt động của quỹ.

Điều 5. Hình thức công bố thông tin

- 5.1. Các tài liệu, báo cáo công bố thông tin gửi cho UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của UBCKNN và HOSE.
- 5.2. Thông tin dưới hình thức văn bản: phải có đầy đủ và chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu mộc của công ty. Văn bản có thể được gửi bằng đường bưu điện hoặc fax. Nếu gửi qua fax thì bản chính phải được gửi qua đường bưu chính trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời gian chuyển fax.
- 5.3. Thông tin bằng dữ liệu điện tử: thông tin bằng dữ liệu điện tử phải được chuyển đến UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) thông qua địa chỉ email hoặc phương tiện khác do UBCKNN, HOSE quy định. Dữ liệu điện tử phải có sử dụng chữ ký số và định dạng văn bản theo hướng dẫn của UBCKNN, HOSE.

Điều 6. Quy trình thực hiện Công Bố Thông Tin:

6.1. Sơ đồ quy trình

Cá nhân/Bộ phận thực hiện	Trình tự thực hiện	Mô tả các bước
Các bộ phận nghiệp vụ, các cá nhân, các phòng ban liên quan	Gửi thông tin	(a)
Nhân viên công bố thông tin	Xử lý thông tin	(b)
Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin	Phê duyệt	(c)
Nhân viên công bố thông tin	Báo cáo và công bố	(d)
Bộ phận lưu trữ	Bảo quản và lưu trữ thông tin	(e)

6.2. Diễn giải sơ đồ quy trình

a. Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận nghiệp vụ, các cá nhân, các phòng ban liên quan phải ngay lập tức soạn thảo báo cáo gửi nhân viên công bố thông tin của công ty hoặc thông báo trực tiếp công bố thông tin.

b. Xử lý thông tin

Nhân viên công bố thông tin tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung báo cáo, công bố; đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin; chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo, công bố theo quy định của công ty và của pháp luật.

c. Trình phê duyệt

Nhân viên công bố thông tin trình người đại diện theo pháp luật ký và đóng dấu báo cáo, công bố trước khi thực hiện công bố. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt, nhân viên công bố thông tin trình người được ủy quyền công bố thông tin ký và đóng dấu để thực hiện công bố.

d. Báo cáo và công bố

Nhân viên công bố thông tin gửi một (01) bản chính của báo cáo, công bố đến UBCKNN; một (01) bản chính của báo cáo, công bố kèm file máy tính đến HOSE (đối với Quỹ ETF) theo đúng thời hạn quy định đối với nghĩa vụ công bố thông tin, đồng thời thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin của HOSE (đối với Quỹ ETF), UBCKNN và thực hiện công bố trên website của công ty.

Sau khi thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định, nhân viên công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra lại việc công bố thông tin, đảm bảo thông tin đã được công hiển thị trên website và trên hệ thống của UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF). Trường hợp phát sinh lỗi, nhân viên công bố thông tin cần lưu trữ/chụp lại

báo cáo/thông báo lỗi phát sinh không gửi được thông tin, đồng thời liên hệ với UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) nơi có hệ thống báo lỗi để xử lý.

e. **Bảo quản và lưu trữ thông tin**

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ theo quy định tại Điều 8 của quy trình này và quy định của pháp luật hiện hành để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết theo nhu cầu của các nhà đầu tư.

Điều 7. Phương tiện Công Bố Thông Tin

7.1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện Công bố thông tin sau:

- a. Trang thông tin điện tử (website) của công ty;
- b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c. Trang thông tin điện tử của HOSE (đối với Quỹ ETF).

7.2. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 8. Bảo quản lưu giữ thông tin

8.1. Công ty thực hiện bảo quản lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- a. Các thông tin công bố định kỳ: phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên mạng thông tin điện tử của công ty tối thiểu là 5 năm.
- b. Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu: phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của công ty tối thiểu là 5 năm.
- c. Các tài liệu khác phải được lưu trữ theo quy định của pháp luật.

8.2. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là Tiếng Việt. Việc công bố thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh thực hiện theo quy định của HOSE (đối với Quỹ ETF), Trung tâm lưu ký chứng khoán. Trường hợp công bố thông tin bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng Tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

Điều 9. Tạm hoãn Công Bố Thông Tin

9.1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp nhận cho tạm hoãn công bố thông tin), công ty phải báo cáo UBCKNN,

HOSE (đối với Quỹ ETF) ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... hoặc trước thời hạn công bố thông tin đối với những trường hợp khác mà đối tượng công bố thông tin đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục;

- 9.2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của đối tượng công bố thông tin và UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF), trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

CHƯƠNG II: CÁC THÔNG TIN CÔNG BỐ

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

Các nội dung được công bố định kỳ được quy định chi tiết tại Phụ lục của Quy trình này, bao gồm:

- Phụ lục 1: nội dung công bố thông tin định kỳ của Quỹ mở.
- Phụ lục 2: nội dung công bố thông tin định kỳ của Quỹ ETF.
- Phụ lục 3: nội dung công bố thông tin định kỳ của Công ty.
- Phụ lục 4: nội dung công bố thông tin bất thường của Quỹ mở, quỹ ETF.
- Phụ lục 5: nội dung công bố bất thường của Công ty.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ phát sinh sự kiện

Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ phát sinh, các bộ phận liên quan có trách nhiệm soạn thảo và gửi người thực hiện công bố thông tin thực hiện công bố thông tin nếu phát sinh những sự kiện được quy định tại Phụ lục 4 Quy trình này.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) người thực hiện công bố thông tin phải thực hiện công bố tới UBCKNN, HOSE và các phương tiện công bố, nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có):

- 12.1. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- 12.2. Có thông tin liên quan tới công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 12.3. Các sự kiện khác theo yêu cầu của UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF).

Điều 13. Công bố thông tin về việc họp ĐHĐCĐ Công ty, ĐHNĐT Quỹ hoặc lấy ý kiến bằng văn bản

- 13.1 Chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước khai mạc họp ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT Quỹ, các bộ phận có trách nhiệm chuẩn bị đại hội và người thực hiện công bố thông tin của công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) về việc họp ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Hội đồng quản trị (đối với công ty), thành viên ban đại diện quỹ (đối với quỹ); các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 13.2 Tài liệu họp ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ;
- 13.3 Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ lần thứ nhất, các bộ phận có trách nhiệm chuẩn bị đại hội và người thực hiện công bố thông tin của công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp tiếp theo, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông Công ty, nhà đầu tư của quỹ tải tài liệu họp ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ.
- 13.4 Nghị quyết và biên bản họp/biên bản kiểm phiếu thường niên (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử hay bất kỳ hình thức nào khác theo quy định tại Điều lệ) của ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT của Quỹ phải được công bố trong vòng 24 giờ sau khi đại hội kết thúc hoặc sau ngày kết thúc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- 13.5 Trường hợp lấy ý kiến ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn kết thúc đợt lấy ý kiến, công ty quản lý quỹ phải công bố trên Website của mình và gửi các phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết ĐHCĐ Công ty, ĐHNĐT và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết đến cho Nhà Đầu Tư.

Điều 14. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông Công ty, nhà đầu tư của quỹ

- 14.1. Đối với các thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông Công ty, nhà đầu tư của Quỹ.
- 14.2. Đối với các thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông Công ty, nhà đầu tư chứng chỉ quỹ hiện hữu, người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan cho VSD, HOSE (đối với Quỹ ETF) và báo cáo UBCKNN ít nhất 20 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

- 14.3. Trường hợp hủy nội dung thông báo về (i) ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện; (ii) ngày đăng ký cuối cùng đối với trường hợp phát hành cổ phần/chứng chỉ quỹ cho cổ đông/nhà đầu tư hiện hữu và các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền theo Quy chế hướng dẫn giao dịch chứng khoán của HOSE (đối với Quỹ ETF), người công bố thông tin thực hiện công bố thông tin và gửi thông báo cho HOSE, trong đó nêu rõ lý do hủy trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 14.4. Ngoài ra, trong vòng 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty gửi thông báo cho HOSE (đối với Quỹ ETF) các tài liệu sau:
- a. 01 bản tóm tắt danh sách nhà đầu tư của Quỹ tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu theo mẫu CBTT/SGDHCM - 10 đính kèm quy chế công bố thông tin của HOSE;
 - b. 01 bản dữ liệu điện tử định dạng excel danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của quỹ và người có liên quan đến người nội bộ của quỹ

- 15.1. Người nội bộ của quỹ, người được ủy quyền và người có liên quan của các đối tượng này khi dự kiến giao dịch chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại HOSE (đối với Quỹ ETF) (thực hiện hoặc được nhận tặng, cho, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm) phải báo cáo UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) và Công ty tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch.
- Thời hạn giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ HOSE (đối với Quỹ ETF). Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- 15.2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) và Công ty về kết quả giao dịch theo Phụ lục XV của Thông tư 96/2020/TT-BTC.
- 15.3. Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của quỹ và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN về lý do không thực hiện được giao dịch.

15.4. Người nội bộ của quỹ và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) đồng thời phải theo thời gian, khối lượng, giá trị do HOSE đã công bố thông tin (đối với Quỹ ETF) và không được đăng ký mua và bán chứng chỉ quỹ/quyền mua chứng chỉ quỹ trong cùng một thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

Điều 16. Công bố thông tin trong hoạt động giao dịch chứng khoán

Khi thực hiện các giao dịch chứng khoán cho quỹ, trường hợp phát sinh các nghĩa vụ công bố thông tin của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ hoặc người có liên quan theo quy định về công bố thông tin, trừ các giao dịch hoán đổi với thành viên lập quỹ, nhà đầu tư, bộ phận nghiệp vụ có trách nhiệm lập báo cáo công bố thông tin gửi người thực hiện công bố thông tin chậm nhất 08 giờ trước thời hạn phải công bố thông tin. Người thực hiện công bố thông tin có trách nhiệm công bố thông tin ngay sau khi nhận được thông tin cần công bố và đảm bảo đúng thời hạn công bố thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG III: BẢO LƯU, TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 17. Bảo lưu việc công bố thông tin

Trong trường hợp cần thiết phải bảo lưu thông tin cần công bố, bộ phận liên quan đến thông tin cần công bố thực hiện công văn trình người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền phê duyệt đề nghị bảo lưu thông tin cần công bố và xin chấp thuận từ UBCKNN.

Điều 18. Tạm hoãn công bố thông tin

Trong trường hợp không thể công bố thông tin đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng, nhân viên công bố thông tin lập báo cáo trình người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký và báo cáo UBCKNN, HOSE (đối với Quỹ ETF) và thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Điều khoản thi hành

Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Mọi sửa đổi, bổ sung của quy trình này sau ngày có hiệu lực do người đại diện theo pháp luật quyết định.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ *me*
DRAGON CAPITAL VIỆT NAM ,



BEAT SCHURCH

Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC I
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ QUỸ MỞ

STT	Loại công bố thông tin	Thời gian công bố thông tin	Nơi công bố thông tin	Biểu mẫu	Quy định pháp luật
Công bố thông tin hằng ngày					
1.	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	Ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá	UBCKNN Website	Phụ lục XXIV Thông tư 98/2020/TT-BTC	Điều 26.1.(c) Thông tư 96/2020/TT-BTC
2.	Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV)				Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC
Công bố thông tin hàng tuần					
3.	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần	Ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá	UBCKNN Website	Phụ lục XXIV Thông tư 98/2020/TT-BTC	Điều 26.1.c Thông tư 96/2020/TT-BTC
Báo cáo tháng					
4.	Báo cáo về hoạt động đầu tư	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	UBCKNN Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/TT-BTC	Điều 25.1.b Thông tư 96/2020/TT-BTC
Báo cáo hàng quý					
5.	Báo cáo tài chính quỹ		UBCKNN Website	Mẫu Thông tư 198/2012/TT- BTC	Điều 79.2.d Thông tư 98/2020/TT-BTC Điều 26.1.a Thông tư 96/2020/TT-BTC

					Thông tư 198/2012/TT-BTC
6.	Báo cáo hoạt động đầu tư quý	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/TT-BTC	Điều 79.2.b Thông tư 98/2020/TT-BTC Điều 26.1.b Thông tư 96/2020/TT-BTC
Báo cáo bán niên					
7.	Báo cáo tài chính bán niên soát xét	05 ngày kể từ ngày Công ty kiểm toán ký báo cáo tài chính đã được kiểm toán	UBCKNN Website	Mẫu Thông tư 198/2012/TT-BTC	Thông tư 181/2015/TT-BTC Điều 26.1.(a, d) Thông tư 96/2020/TT-BTC
8.	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên	nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN Website	Phụ lục XXV Thông tư 98/2020/TT-BTC	Điều 79.2.c Thông tư 98/2020/TT-BTC Điều 26.1.d Thông tư 96/2020/TT-BTC
Báo cáo hằng năm					
9.	Báo cáo tài chính kiểm toán năm	10 ngày kể từ ngày Công ty kiểm toán ký báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng	UBCKNN Website	Mẫu Thông tư 198/2012/T T-BTC	Thông tư 181/2015/TT-BTC Điều 26.1.(a, d) Thông tư 96/2020/TT-BTC

10.	Báo cáo hoạt động đầu tư quỹ	không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/TT -BTC	Điều 79.2.b Thông tư 98/2020/TT-BTC Điều 26.1.b Thông tư 96/2020/TT-BTC
11.	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm		UBCKNN Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/TT -BTC	Điều 79.2.c Thông tư 98/2020/TT-BTC Điều 26.1.d Thông tư 96/2020/TT-BTC

PHỤ LỤC 2
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ QUỸ ETF

STT	Loại công bố thông tin	Thời gian công bố thông tin	Nơi công bố thông tin	Biểu mẫu	Ghi chú	Quy định pháp luật
Công bố thông tin hàng ngày						
12.	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (iNAV)	Ngày trong ngày giao dịch (ngày T) hoặc tối thiểu không muộn hơn ngày giao dịch tiếp theo (T+1)	UBCKKNN, HOSE, Website	CBTT/SG DHCM-11	Chỉ số iNAV phải đảm bảo được cập nhật 15s/lần trên Website của Công ty hoặc hệ thống của HOSE	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 26.1.(c) Thông tư 96/2020/TT-BTC • Điều 20 Thông tư 98/2020/TT-BTC • Quy chế Công bố thông tin của HOSE
13.	Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF					
14.	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV)					
15.	Thông báo Danh mục Chứng khoán Cơ cấu	Trước 9h sáng ngày T hoặc cuối ngày (T-1)	Thành viên lập quỹ HOSE VSD	CBTT/SG DHCM-13	Danh mục Chứng khoán Cơ cấu được xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liên trước ngày giao dịch hoán đổi	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 43.3.(a) Thông tư 98/2020/TT-BTC
16.	Kết thúc phiên giao dịch hoán đổi hàng ngày	Ngày (T+1)	HOSE Website		Nội dung thông tin công bố bao gồm: - Danh mục Chứng khoán Cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi trong	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 49.1.(a,b,c,d) Thông tư 98/2020/TT-BTC

					<p>trường hợp có thay đổi so với trước giờ giao dịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số chứng chỉ quỹ đã phát hành, mua lại - Khối lượng chứng chỉ quỹ niêm yết; - NAV quỹ, - NAV/Chứng chỉ quỹ, biên động của NAV, chỉ số tham chiếu và biên động của chỉ số tham chiếu; - Ngày giao dịch hoán đổi là T; - Ngày thanh toán giao dịch hoán đổi là (T+1) - Ngày thay đổi niêm yết ETF là (T+2) 	
Công bố thông tin hàng tuần						

17.	Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần	Ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá	UBCKNN HOSE Website	Phụ lục XXIV Thông tư 98/2020/T T-BTC	Ngày định giá là thứ 5 hàng tuần	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 26.1.c Thông tư 96/2020/TT-BTC
18.	Báo cáo mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error)	Ngày làm việc đầu tiên của tuần tiếp theo (cùng ngày CBTT NAV tuần)	UBCKNN HOSE Website	CBTT/SG DHCM-12	HOSE cung cấp TE và Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra, công bố	<ul style="list-style-type: none"> • Điều 49.2 Thông tư 98/2020/TT-BTC • Điều 17.5 Quy chế Công bố thông tin của HOSE
Báo cáo tháng						
19.	Báo cáo hoạt động đầu tư	05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng	UBCKNN HOSE Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/T T-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Điều 25.1.b Thông tư 96/2020/TT-BTC • Điều 79.2.b Thông tư 98/2020/TT-BTC
Báo cáo hàng quý						

20.	Báo cáo tài chính quý	20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN HOSE Website	Mẫu B01, B02, B03, B04, B05, B06 Thông tư 181/2015/ TT-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư 181/2015/TT-BTC • Điều 79.2.d Thông tư 98/2020/TT-BTC • Điều 26.1.a Thông tư 96/2020/TT-BTC
21.	Báo cáo hoạt động đầu tư		UBCKNN HOSE Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/T T-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Điều 26.1.(a, d) Thông tư 96/2020/TT-BTC • Điều 79.2.b Thông tư 98/2020/TT-BTC
Báo cáo bán niên						
22.	Báo cáo tài chính bán niên soát xét	05 ngày kể từ ngày Công ty kiểm toán ký báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	UBCKNN HOSE Website	Mẫu B01, B02, B03, B04, B05, B06 Thông tư 181/2015/ TT-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư 181/2015/TT-BTC • Điều 79.2.d Thông tư 98/2020/TT-BTC • Điều 26.1.a Thông tư 96/2020/TT-BTC

23.	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên		UBCKNN HOSE Website	Phụ lục XXV Thông tư 98/2020/T T-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Điều 79.2.c Thông tư 98/2020/TT-BTC • Điều 26.1.(a, d) Thông tư 96/2020/TT-BTC
Báo cáo hằng năm						
24.	Báo cáo hoạt động đầu tư	10 ngày kể từ ngày Công ty kiểm toán ký báo cáo tài chính đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	UBCKNN HOSE Website	Phụ lục XXVI Thông tư 98/2020/T T-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Điều 26.1.(a, d) Thông tư 96/2020/TT-BTC • Điều 79.2.b Thông tư 98/2020/TT-BTC
25.	Báo cáo tài chính kiểm toán năm		UBCKNN HOSE Website	Mẫu B01, B02, B03, B04, B05, B06 Thông tư 181/2015/ TT-BTC		<ul style="list-style-type: none"> • Thông tư 181/2015/TT-BTC • Điều 79.2.d Thông tư 98/2020/TT-BTC • Điều 26.1.a Thông tư 96/2020/TT-BTC
26.	Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm		UBCKNN HOSE	Phụ lục XXV		<ul style="list-style-type: none"> • Điều 79.2.c Thông tư 98/2020/TT-BTC

			Website	Thông tư 98/2020/T T-BTC		• Điều 26.1.(a, d) Thông tư 96/2020/TT-BTC
--	--	--	---------	--------------------------------	--	---

PHỤ LỤC 3
CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ CÔNG TY

STT	Loại công bố thông tin	Thời gian công bố thông tin	Nơi công bố thông tin	Biểu mẫu	Quy định pháp luật
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	UBCKNN Website		K1-Đ10-TT96
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	UBCKNN Website		K2-Đ14-TT96
3	Báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý	UBCKNN Website		K3-Đ14-TT96
4	Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6 đã được soát xét và tại ngày 31/12 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận cùng thời điểm với việc công bố báo	30/6: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng	UBCKNN Website		K2-Đ22-TT96

	cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.	đầu năm tài chính. 31/12: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.			
5	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	UBCKNN Website	Phụ lục IV- Thông tư 96.	K2-Đ10-TT96
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	UBCKNN Website	Phụ lục V- Thông tư 96.	K4-Đ10-TT96

PHỤ LỤC 4
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG CỦA QUỸ MỞ VÀ QUỸ ETF

STT	Loại công bố thông tin	Căn cứ pháp luật
1.	Việc sửa, hủy lỗi giao dịch	Điều 49.1.(d) Thông tư 98/2020/TT-BTC
2.	Thông qua quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	Điều 27 Thông tư 96/2020/TT-BTC
3.	Được cấp hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng ra công chúng	
4.	Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ đại chúng, quỹ đại chúng chào bán không thành công	
5.	Sửa đổi điều lệ, bản cáo bạch	
6.	Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia tách, giải thể, thay đổi thời hạn hoạt động, thanh lý tài sản của quỹ	
7.	Được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, quyết định điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ	
8.	Công bố về ngày đăng ký cuối cùng, ngày thực hiện quyền cho nhà đầu tư của quỹ	
9.	Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ	
10.	Thay đổi tên quỹ, thay đổi ngân hàng giám sát, công ty quản lý đầu tư chứng khoán, thay đổi thành viên lập quỹ, tổ chức tạo lập thị trường	
11.	Vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của quỹ	
12.	Tạm ngừng giao dịch hoán đổi hoặc mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu vượt mức cho phép	
13.	Tài khoản của quỹ/ Công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa	
14.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định chia tách, gộp chứng chỉ quỹ	

15.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); hủy bỏ hợp đồng kiểm toán đã ký.	
16.	Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm, miễn nhiệm người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ. Kèm theo công bố thông tin là bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC.	
17.	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của quỹ/Công ty; quyết định tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ/ Công ty.	
18.	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án liên quan đến thoạt động của Công ty, quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	
19.	Các vấn đề liên quan đến cuộc họp Đại hội nhà đầu tư bất thường.	
20.	Mức sai lệch (TE) vượt quá 80% của mức sai lệch tối đa theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán (đối với Quỹ ETF)	
21.	Việc lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư bằng văn bản.	
22.	Sự kiện quy định tại Điều 43.7 Thông tư 98/2020/TT-BTC.	
23.	Các trường hợp quy định tại khoản 6,7,8 Điều 24 Thông tư 98/2020/TT-BTC.	

PHỤ LỤC 5
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG CỦA CÔNG TY

STT	Loại công bố thông tin	Quy định pháp luật
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	Điều 11.1-2-3 Thông tư 96
2	Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm;	

	thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;	
10	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:</p> <p>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;</p> <p>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;</p> <p>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;</p>	
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời,	

	công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;	
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty (LEGAL); Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);	Điều 15.2- Thông tư 96
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	

22	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;	Điều 23.1- Thông tư 96
23	Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của công ty, chi nhánh;	
24	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;	
25	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên, địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;	
26	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến ; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;	
27	Khi nhận được quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;	
28	Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;	